

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
MST: 0312660770

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2020

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
MST: 0312660770

MỤC LỤC

	Trang
□ Bảng cân đối kế toán ngày 30/09/2020	1 - 3
□ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 30/09/2020	4
□ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 30/09/2020	5
□ Thuyết minh báo cáo tài chính 30/09/2020	6 - 14



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104,865,433,362	74,436,548,140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(1)	3,538,433,362	1,394,169,792
1. Tiền	111		3,538,433,362	1,394,169,792
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(2)	85,700,000,000	61,500,000,000
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		85,700,000,000	61,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(3)	15,372,460,580	10,400,117,753
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		6,020,438	-
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		10,982,965,840	5,941,648,981
4. Phải thu ngắn hạn khác	135		4,383,474,302	4,458,468,772
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		254,762,275	1,142,260,595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4)	254,762,275	1,142,260,595
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6,530,349,505	17,912,050,981
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5,000,000	5,000,000
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	(5)	5,000,000	5,000,000
II. Tài sản cố định	220	(7)	1,924,254,941	2,965,987,132
1. TSCĐ hữu hình	221		1,027,472,646	1,425,680,552
- Nguyên giá	222		2,259,752,000	2,259,752,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,232,279,354)	(834,071,448)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227		896,782,295	1,540,306,580
- Nguyên giá	228		4,558,108,148	4,558,108,148
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,661,325,853)	(3,017,801,568)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(8)	3,801,688,432	3,801,688,432
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,801,688,432	3,801,688,432
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10,200,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10,200,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		799,406,132	939,375,417
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(6)	532,673,611	755,200,252
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		266,732,521	184,175,165
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		111,396,005,722	92,348,599,121

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5,769,533,083	7,121,893,932
I. Nợ ngắn hạn	310		5,080,783,050	6,541,893,932
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311			
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(9)	815,856,235	1,347,375,564
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(10)	4,262,357,571	4,877,684,826
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(11)	2,569,244	316,833,542
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
II. Nợ dài hạn	330		688,750,033	580,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
3. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	(12)	688,750,033	580,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(13)	105,626,472,639	85,226,705,189
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		105,626,472,639	85,226,705,189
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,500,000,000	2,500,000,000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	419		2,500,000,000	2,500,000,000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75,626,472,639	55,226,705,189
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		111,396,005,722	92,348,599,121

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2020.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-
Trong đó:			-	-
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	(14)	273,938,002,573	14,314,640,241
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		273,938,002,573	14,314,640,241
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	(17)	24,365,399,057,482	20,670,616,262,899
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		24,365,399,057,482	20,670,616,262,899
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	(15)	7,484,011,120	998,233,569
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	(16)	13,961,594,124	11,938,401,752

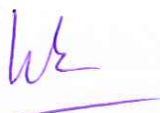
Ngày 19 tháng 10 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh

Tổng Giám Đốc



Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2020		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
Doanh thu	01		15,142,097,557	10,479,593,127	42,386,098,368	30,462,941,460
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	(18)	15,142,097,557	10,479,593,127	42,386,098,368	30,462,941,460
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(19)	1,547,236,996	1,272,924,487	4,412,555,195	3,495,881,004
Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(20)	(7,920,127,598)	(7,218,795,772)	(22,920,672,268)	(20,298,479,581)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,769,206,955	4,533,721,842	23,877,981,295	13,660,342,883
Thu nhập khác	31		-	1	-	2
Chi phí khác	32		(9)	-	(55,149,890)	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(9)	1	(55,149,890)	2
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,769,206,946	4,533,721,843	23,822,831,405	13,660,342,885
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(21.1)	(342,090,368)	(992,244,356)	(3,505,621,311)	(2,875,843,202)
Thuế TNDN hoãn lại	52		39,022,818	141,836,551	82,557,356	2,672,123
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8,466,138,396	3,683,314,038	20,399,767,450	10,787,171,806

Ngày 19 tháng 10 năm 2020

Người lập

ht

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

ht

Nguyễn Thị Thùy Linh

Tổng Giám Đốc



Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chủ bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	I			
Lợi nhuận trước thuế	01		23,822,831,405	13,660,342,884
Điều chỉnh:				
Khấu hao tài sản cố định	02		1,042,732,191	813,350,733
Các khoản dự phòng	03		108,750,033	108,749,997
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4,412,555,195)	(3,495,757,846)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động			20,560,758,434	11,086,685,768
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(4,579,754,199)	871,436,253
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11		(924,178,722)	(484,524,406)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1,110,024,961	798,692,935
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,042,553,471)	(3,172,612,593)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,124,297,003	9,099,677,957
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	II			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	(865,084,749)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(66,000,000,000)	(62,200,000,000)
Tiền thu khi đáo hạn hợp đồng tiền gửi ngân hàng	24		52,000,000,000	50,900,000,000
Lãi tiền gửi thu được	27		4,019,966,567	4,366,365,839
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	30		(9,980,033,433)	(7,798,718,910)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	III			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2,144,263,570	1,300,959,047
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,394,169,792	122,272,140
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3,538,433,362	1,423,231,187

Ngày 19 tháng 10 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hình thức sở hữu vốn

Vốn trong nước

2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Thông tin doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được thành lập theo Giấy phép 53/GP-UBCK cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính: Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian hoạt động: 50 năm.

Chủ sở hữu: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

4. Tổng số công nhân viên

Đến thời điểm 30/09/2020: tổng số công nhân viên là 18 người.

II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán: năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014, các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác
- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

3. Sổ kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ sách kế toán: Nhật ký sổ cái.

4. Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC và điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, Thông tư 200 cũng đã đưa ra một số thay đổi về nguyên tắc hạch toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2020	31/12/2019
Tiền gửi ngân hàng	3,538,433,362 (1)	1,394,169,792
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	3,538,433,362	1,394,169,792

(1) Trong đó:

Tiền gửi ngân hàng Vietcombank bằng VNĐ	3,453,511,413
Tiền gửi ngân hàng BIDV bằng VNĐ	84,921,949

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/09/2020	31/12/2019
Đầu tư ngắn hạn – tiền gửi tại các ngân hàng	85,700,000,000 (1)	61,500,000,000
Cộng	85,700,000,000	61,500,000,000

(1) Trong đó:

Đây là khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng VNĐ có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá một năm với mức lãi suất từ 5.5% đến 7.95%/năm.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/09/2020	31/12/2019
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN	10,883,760,150	5,839,166,602
Phải thu phí quản lý danh mục từ Quỹ CAF	99,205,690	102,482,379
Trả trước cho người bán	6,020,438	-
Phải thu ngắn hạn khác	4,383,474,302 (1)	4,458,468,772
Cộng	15,372,460,580	10,400,117,753

(1) Trong đó:

- Khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng	92,916,902
--	------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2020	31/12/2019
Số dư đầu kỳ	1,142,260,595	990,252,338
Tăng trong kỳ	1,376,882,514	3,098,480,280
Phân bổ trong kỳ	(2,264,380,834)	(2,946,472,023)
Số dư cuối kỳ	<u>254,762,275</u>	<u>1,142,260,595</u>

5. Các khoản phải thu dài hạn

	30/09/2020	31/12/2019
Phải thu dài hạn khác	<u>5,000,000</u>	<u>5,000,000</u>
Cộng	<u>5,000,000</u>	<u>5,000,000</u>

6. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2020	31/12/2019
Số dư đầu kỳ	755,200,252	651,195,348
Tăng trong kỳ	70,411,000	636,457,700
Phân bổ trong kỳ	(292,937,641)	(532,452,796)
Số dư cuối kỳ	<u>532,673,611</u>	<u>755,200,252</u>

7. Tình hình tăng, giảm TSCĐ

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phần mềm	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH			
1. Số dư đầu kỳ	2,259,752,000	4,558,108,148	6,817,860,148
2. Số tăng trong kỳ			
Trong đó:			
- Mua sắm mới			
- Kết chuyển từ XDCB dở dang (*)			
3. Số giảm trong kỳ			
Trong đó:			
- Kết chuyển vào TSCĐ			
4. Số dư cuối kỳ	2,259,752,000	4,558,108,148	6,817,860,148
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN			
1. Số đầu kỳ	834,071,448	3,017,801,568	3,851,873,016
2. Tăng trong kỳ	398,207,906	643,524,285	1,041,732,191
3. Giảm khác			
4. Số cuối kỳ	1,232,279,354	3,661,325,853	4,893,605,207
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Số đầu kỳ	1,425,680,552	1,540,306,580	2,965,987,132
2. Số cuối kỳ	1,027,472,646	896,782,295	1,924,254,941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2020	31/12/2019
Số dư đầu kỳ	3,801,688,432	3,330,015,737
Tăng trong kỳ	-	481,447,695
Kết chuyển sử dụng trong kỳ	-	9,775,000
Số dư cuối kỳ	<u>3,801,688,432</u>	<u>3,801,688,432</u>

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,244,949,533	3,505,621,311	(4,042,553,471)	708,017,373
Thuế thu nhập cá nhân	102,426,031	2,538,800,187	(2,533,387,356)	107,838,862
Các khoản phí, lệ phí, phí khác	-	110,249,208	(110,249,208)	-
Cộng	<u>1,347,375,564</u>	<u>6,154,670,706</u>	<u>(6,686,190,035)</u>	<u>815,856,235</u>

10. Chi phí trích trước

	30/09/2020	31/12/2019
Trích trước chi phí hoạt động	644,912,571	340,875,826
Trích trước các khoản lương, thưởng	3,617,445,000	4,536,809,000
Cộng	<u>4,262,357,571</u>	<u>4,877,684,826</u>

11. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2020	31/12/2019
Các khoản phải trả khác	2,569,244	316,833,542
Cộng	<u>2,569,244</u>	<u>316,833,542</u>

12. Trích quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	30/09/2020	31/12/2019
Trích quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	688,750,033	580,000,000
Cộng	<u>688,750,033</u>	<u>580,000,000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Góp vốn (*)	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	2,500,000,000	-	-	2,500,000,000
Quỹ khác thuộc vốn CSH (quỹ dự trừ bổ sung vốn điều lệ)	2,500,000,000	-	-	2,500,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	55,226,705,189	20,399,767,450	-	75,626,472,639
Tổng Cộng	85,226,705,189	20,399,767,450	-	105,626,472,639

(*) Theo Giấy phép đầu tư số 53/GP-UBCK, tổng số vốn đầu tư là 25,000,000,000 đồng (hai mươi lăm tỷ đồng). Vốn đầu tư do Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam đầu tư. Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định.

14. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam				
- Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng HSBC Việt Nam và Ngân hàng Citibank Việt Nam	14,314,640,241	19,553,500,380,753	(19,293,877,018,421)	273,938,002,573
Tổng cộng	14,314,640,241	19,553,500,380,753	(19,293,877,018,421)	273,938,002,573

Biến động tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	30/09/2020	31/12/2019
Số dư đầu kỳ	14,314,640,241	18,355,644,349
Tăng trong kỳ	19,553,500,380,753	21,996,075,243,349
• Nhận tiền từ bán chứng khoán	157,557,256,519	144,196,230,211
• Gốc và lãi từ thanh lý hợp đồng tiền gửi	11,123,407,283,437	11,838,488,508,526
• Cổ tức nhận được	1,691,170,707	1,885,323,726
• Gốc và lãi trái phiếu nhận được	1,164,854,693,664	1,527,502,997,752
• Tăng vốn từ nhà đầu tư ủy thác	7,105,989,976,426	8,484,002,183,134
Giảm trong kỳ	(19,293,877,018,421)	(22,000,116,247,457)
• Chi cho hợp đồng tiền gửi	(12,318,040,000,000)	(12,942,860,000,000)
• Chi mua chứng khoán	(203,133,136,337)	(154,605,613,983)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/09/2020	31/12/2019
• Chi mua trái phiếu	(2,609,988,301,543)	(3,859,822,435,422)
• Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(4,161,873,500,312)	(5,042,282,378,169)
• Phí lưu ký	(800,804,762)	(499,669,265)
• Phí ngân hàng	(41,275,467)	(46,150,618)
Số dư cuối kỳ	273,938,002,573	14,314,640,241

15. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phải thu cổ tức	584,900,000	240,418,000
Phải thu bán cổ phiếu	6,899,111,120	757,815,569
Tổng cộng	7,484,011,120	998,233,569

16. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phí phải trả cho Công ty Quản lý quỹ DFVN	10,883,760,150	5,839,166,602
Phải trả cho giao dịch mua cổ phiếu	3,077,833,974	6,099,235,150
Tổng cộng	13,961,594,124	11,938,401,752

17. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác quản lý đầu tư trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Cổ phiếu niêm yết	130,401,395,808	95,867,222,548
Trong đó Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá (*)	36,966,557,473	46,673,591,952
Trái phiếu chính phủ	15,462,555,877,874	14,604,241,256,551
Trái phiếu doanh nghiệp	4,754,021,783,800	3,253,097,783,800
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP		
Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1,262,720,000,000	1,239,920,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại		
Thương Việt Nam	1,328,850,000,000	1,143,450,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu	208,250,000,000	60,040,000,000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	108,000,000,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	290,000,000,000	100,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	100,000,000,000	100,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông	95,000,000,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi MUFG-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	74,000,000,000	74,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	551,600,000,000	-
Tổng cộng	24,365,399,057,482	20,670,616,262,899

(*) *Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro*

<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2020</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	616,423,250	607,500,000
Công ty CP Nam Việt	155,833,400	153,200,000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp	689,045,864	607,500,000
Tập đoàn Bảo Việt	693,338,450	681,800,000
Công ty CP Xây Dựng Coteccons	578,209,015	553,600,000
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh	739,420,802	646,400,000
Tổng Công ty khí Việt Nam	4,062,070,743	3,992,800,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	784,274,650	773,500,000
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP	602,402,250	568,000,000
CTCP Tập đoàn MaSan	3,576,550,935	3,439,800,000
Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	2,828,345,598	2,716,200,000
Công ty Cổ Phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	1,934,555,913	1,644,482,700
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	702,341,800	693,000,000
Tổng CTCP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	5,357,109,708	4,949,100,000
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	4,697,332,115	4,520,000,000
Tổng Công ty Viglacera-CTCP	697,044,000	690,000,000
Công Ty CP Vinhomes	5,259,977,280	5,134,000,000
Công Ty CP Vincom Retail	2,992,281,700	2,870,400,000
Tổng cộng	36,966,557,473	35,241,282,700

<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	2,301,657,790	2,166,000,000
Tập đoàn Bảo Việt	613,078,240	548,800,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2,064,407,811	1,985,500,000
CTCP Cao su Đà Nẵng	587,880,500	582,500,000
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh	825,912,019	768,500,000
Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	37,807,744	34,830,000
Công ty CP GEMADEPT	1,432,919,084	1,234,900,000
CTCP GTNFOODS	187,007,463	171,000,000
Công ty CP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	245,006,960	213,500,000
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	2,322,110,891	2,259,100,000
CTCP Tập đoàn Hoa Sen	511,364,798	492,030,000
CTCP Xi măng Hà Tiên 1	193,940,475	179,400,000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	1,089,248,274	1,012,500,000
CTCP Tập đoàn MaSan	621,491,326	508,500,000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CTCP Điện lực Dầu khí Điện Lực 2	581,876,970	476,300,000
Công ty CP Phát triển Bất Động Sản Phát Đạt	1,328,439,675	1,310,000,000
Công ty Cổ phần Cao Su Phước Hòa	357,868	229,200
Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	1,219,057,426	1,120,000,000
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	228,592,375	225,750,000
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu Khí	515,271,750	504,000,000
Tổng CTCP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	3,287,002,076	3,192,000,000
CTCP Chứng khoán Sài Gòn	353,779,875	270,750,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	617,563,743	572,850,000
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	4,264,136,958	3,885,750,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	608,800,807	568,350,000
Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	546,819,000	538,000,000
Công Ty CP Vinhomes	5,446,404,503	5,257,600,000
Công ty CP Sữa Việt Nam	6,989,377,960	6,640,500,000
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4,570,905,715	4,395,080,000
Công Ty CP Vincom Retail	2,552,412,650	2,516,000,000
CTCP Container Việt Nam	528,959,226	408,750,000
Tổng cộng	46,673,591,952	44,038,969,200

18. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 30 tháng 09 năm 2019
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	41,551,627,654	29,567,310,728
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	834,470,714	895,630,732
Cộng	42,386,098,368	30,462,941,460

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 30 tháng 09 năm 2019
Lãi tiền gửi	4,412,555,195	3,495,881,004
Cộng	4,412,555,195	3,495,881,004

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 30 tháng 09 năm 2019
Lương và các chi phí theo lương	15,437,683,958	12,878,495,818
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	2,419,577,872	2,284,037,861
Chi phí công tác	338,996,164	336,624,626
Thuế và phí khác	3,000,000	38,524,000
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	3,485,128,350	3,762,761,506
Chi phí khác	85,803,700	75,935,040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,041,732,191	813,350,733
Trích quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	108,750,033	108,749,997
Cộng	22,920,672,268	20,298,479,581

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Mức thuế suất Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014 và áp dụng mức thuế suất ưu đãi giảm 30% số thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 theo Nghị Quyết số 116/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Nghị định hướng dẫn số 114/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngày 30 tháng 09 năm 2020	Ngày 30 tháng 09 năm 2019
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,505,621,311	2,875,843,202

Ngày 19 tháng 10 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh

Tổng Giám Đốc



Trần Châu Danh

